

Số: /BC-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu báo cáo thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Sở Tài chính

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 15/HD-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về công tác xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Thực hiện Công văn số 3159/STC-QLGCS&DN ngày 27/9/2024 của Sở Tài chính về việc thẩm định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi nghiên cứu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tiếp thu và giải trình như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1 quy định: “...và các trường hợp cụ thể khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”, đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm rõ nội dung này.

Tiếp thu, giải trình: Ngoài quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 103 của Luật Đất đai năm 2024 và Điều 21, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tại dự thảo quy định có quy định về nguyên tắc bồi thường, quy định về cách xác định mật độ, phương pháp xác định đường kính gốc và phương án xử lý một số trường hợp đặc biệt trong công tác kiểm đếm, bồi thường thiệt hại về cây trồng và vật nuôi.

2. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định: “Đối với các loài cây nhóm bóng mát, ...”. Đối chiếu Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành bản phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước không có nhóm cây bóng mát, đề nghị sửa lại như sau: “Đối với các loài cây trồng để tạo bóng mát, ...”.

Tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và chỉnh sửa

3. Điều 5

3.1. Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024, quy định:

*“1. **Đối với cây hằng năm**, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đối với cây trồng đó. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính **theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề** của loại cây trồng đó tại địa phương và đơn giá bồi thường;*

*2. **Đối với cây lâu năm**, mức bồi thường được tính theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây.*

Đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà đang trong thời kỳ thu hoạch thì mức bồi thường được tính bằng sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch tương ứng với số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch và đơn giá bồi thường;...

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật;...”

3.2. Tại mục 1 Công văn số 574/BNV-PC ngày 30/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn nêu:

“Tại điểm c khoản 1 Điều 83 Luật trồng trọt năm 2018 đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “c) Chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động trồng trọt trên địa bàn; hướng dẫn, ban hành quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương; tổ chức sản xuất, trồng trọt”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 102 Luật Thủy sản quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: “Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật về thủy sản”.

Như vậy để triển khai Luật Đất đai năm 2024, đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật về cây trồng, vật nuôi, thủy sản (quy trình sản xuất, chu kỳ thu hoạch...) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 và phù hợp với thực tiễn phát triển ngành, lĩnh vực tại địa phương”.

Tiếp thu, giải tình: Sở Nông nghiệp và PTNT xin được giữ nguyên như dự thảo quyết định theo phương pháp đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Lý do: Điều 103 luật đất đai năm 2024 vẫn giữ nguyên một số quy định theo Điều 90 Luật đất đai năm 2013 không thay đổi cụ thể: 1) Cách tính mức bồi thường đối với cây trồng hằng năm, (2) Cách tính mức bồi thường cây lâu năm theo giá trị thực tế của vườn cây, (3) Quy định bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản; Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND được kế thừa, xây dựng trên

cơ sở định mức kỹ thuật, rà soát giá cả thị trường, nên việc kế thừa các quy định phù hợp tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND là đảm bảo.

Căn cứ quy định tại khoản 6, điều 103, luật đất đai năm 2024: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật;...”. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy định mật độ chưa phù hợp với quyết định số 14/2024/QĐ-UBND quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, một số tài liệu nghiên cứu của các viện thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Công văn số 574/BNN-PC ngày 30/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn nêu: *“Tại điểm c khoản 1 Điều 83 Luật trồng trọt năm 2018 đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “c) Chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động trồng trọt trên địa bàn; hướng dẫn, ban hành quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương; tổ chức sản xuất, trồng trọt”*. Quy trình sản xuất ở đây được hiểu rằng quy trình trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hái quả, gieo tạo cây con; Còn việc xác định cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần là phải xác định được từng loại cây trồng đó có tuổi đời là bao nhiêu năm, sẽ cho thu hoạch sản phẩm bao nhiêu năm, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan Trung ương thuộc lĩnh vực nông nghiệp chưa quy định được chu kỳ thu hoạch cây lâu năm, đồng thời khi thực hiện kiểm đếm giải phóng mặt bằng cũng không xác định được vườn cây đó đã trồng được bao nhiêu năm, xác định số năm đã cho thu hái quả, xác định số năm chưa cho thu hoạch để bồi thường, do các vườn cây chủ yếu là do người dân tự bỏ vốn trồng không có hồ sơ thiết kế, chỉ phụ thuộc vào lời khai của chủ thể bị thu đất vì vậy sẽ không chính xác, dẫn đến trục lợi chính sách, đồng thời tính giá trị số năm còn lại chưa cho thu hoạch không phù hợp, vì thực tế chưa đầu tư và có thể sau đó thiên tai, dịch bệnh cây đó chết không tồn tại được đến tuổi theo loài cây đó.

Trên cơ sở các quy định quy trình kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các tài liệu có liên quan, Sở Nông nghiệp tham mưu UBND tỉnh quy định hoặc hướng dẫn về quy trình sản xuất (trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hái quả, gieo tạo cây con) không có đủ cơ sở, căn cứ để tham mưu UBND tỉnh quy định về xác định thời gian cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần như quy định tại Khoản 2 Điều 103 Luật đất đai và ý kiến của Sở Tài chính.

3.3 a) Đối với cây lương thực, thực phẩm; Cây công nghiệp ngắn ngày

- Đối với cây xả, Riềng, Gừng, Nghệ: Tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024, quy định: Khóm có số cây <10: 8.500 đồng/khóm; Khóm có từ 10 cây trở lên: 24.000 đồng/khóm; Tại dự thảo quy định: Cây xả, Riềng, Gừng, Nghệ: 14.000 đồng/m² và đối với Rau bò khai, Chùm ngây, Măng tây, Cà gai leo là các loại cây bổ sung đơn giá mới. Qua xem xét toàn bộ dự thảo không có thuyết minh cơ sở tính toán, không có tài liệu kiểm chứng, đề nghị xây dựng đơn giá theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

Tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và PTNT đã đính kèm Công văn số 2295/SNN-KHTC ngày 17/9/2024 gửi Sở Tài chính, Tư pháp thẩm định có Báo cáo đề xuất phương án xây dựng đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó đã đề xuất phương án và giải trình cụ thể đối với nhóm cây trên; tại mục 5, phần IV của báo cáo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có giải trình cụ thể phương pháp tính đơn giá các loại cây Rau bò khai, Chùm ngây, Măng tây, Cà gai leo, xả, Riềng, Gừng, Nghệ, chi tiết tại phụ lục IV kèm báo cáo (*Phụ lục IV: Xây dựng bổ sung đơn giá mới và giải trình đơn giá cây trồng tính theo cây hàng năm*).

Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục tóm tắt giải trình làm rõ thêm như sau:

Căn cứ Khoản 8 Điều 2 Luật trồng trọt 2018: "*Cây hàng năm là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm, kể cả cây hàng năm lưu gốc*". Như vậy các loại cây Rau bò khai, Chùm ngây, Măng tây, Cà gai leo, xả, Riềng, Gừng, Nghệ là cây hàng năm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai 2024: "*Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đối với cây trồng đó. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của loại cây trồng đó tại địa phương và đơn giá bồi thường*;" (*Chi tiết tại phụ lục I*)

- Các loại cây khác giữ nguyên đơn giá như quy định tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 là không đúng nguyên tắc xây dựng đơn giá quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

Tiếp thu, giải trình: Điều 103 luật đất đai năm 2024 vẫn giữ nguyên một số quy định theo Điều 90 Luật đất đai năm 2013 không thay đổi cụ thể:: 1) Cách tính mức bồi thường đối với cây trồng hàng năm, (2) Cách tính mức bồi thường cây lâu năm theo giá trị thực tế của vườn cây, (3) Quy định bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản; Vì vậy đơn giá của những cây không thay đổi giữ nguyên theo Quyết định 02/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh cho đến thời điểm hiện nay là phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận; báo cáo của UBND các huyện, thành phố, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại các huyện, thành phố đang được thực hiện tốt, ổn định, phù hợp chưa có vướng mắc về đơn giá chỉ đề xuất bổ sung một số cây chưa có trong bảng đơn giá, vẫn tạo được sự đồng thuận của người dân.

b) Cây ăn quả

Đối với cây mới trồng đường kính gốc < 2cm và cây trồng đường kính gốc từ 2-5cm giữ nguyên đơn giá theo quy định tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024; Các loại cây trồng có đường kính từ 10cm trở lên mỗi mức giá cộng thêm một khoản tiền tương ứng với chi phí đầu tư trồng lại loại cây trồng đó tới thời điểm bắt đầu thu hoạch (không có biểu tính toán chi tiết) là không đúng nguyên

tắc xây dựng đơn giá quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

Tiếp thu, giải trình: Tại dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT và Báo cáo đề xuất phương án xây dựng đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đính kèm Công văn số 2295/SNN-KHTC ngày 17/9/2024 gửi Sở Tài chính, Tư pháp thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo cụ thể những vướng mắc, bất cập của quy định khoản 2 Điều 103 trong quy định cách tính đơn giá cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đang trong thời kỳ thu hoạch và đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét tháo gỡ khó khăn về quy định bồi thường cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần, quy định này khó áp dụng, không phù hợp thực tế. Ngày 10/9/2024, tại cuộc họp của UBND tỉnh xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trong thời gian chưa ban hành cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh theo quy định Luật Đất đai 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo nội dung vướng mắc này tại cuộc họp. Thực hiện kết luận tại cuộc họp, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất phương án *“Đối với mức bồi thường cây trồng lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đang trong thời kỳ thu hoạch thì mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây tại thời điểm thu hồi đất cộng thêm chi phí tái đầu tư cây trồng đó tới thời điểm cây bắt đầu cho thu hoạch”*. Trong đó, chi phí tái đầu tư trồng lại từng loại cây trồng tới thời điểm bắt đầu cho thu hoạch là mức đơn giá trước liền kề mức đường kính cây bắt đầu cho thu hoạch.

Tại Phụ lục III, đính kèm Báo cáo đề xuất phương án xây dựng đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đính kèm Công văn số 2295/SNN-KHTC, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giải trình cụ thể phương pháp tính đối với cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đang trong thời kỳ thu hoạch (*Chi tiết tại phụ lục II đính kèm*)

c) Đối với cây Dược liệu

Đơn giá trồng cây Sa nhân tím tại bảng đơn giá không đúng với đơn giá tại bảng tính toán, cụ thể:

Số TT	Loại cây trồng	Dự thảo Quyết định	Bảng tính toán
1	Khóm trồng dưới 1 năm	13.000	14.000
2	Khóm trồng từ 1 năm đến dưới 3 năm	19.000	21.000
3	Khóm trồng từ 3 năm đến dưới 5 năm	25.000	28.000
4	Khóm trồng từ 5 năm trở đi	38.000	42.000

Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét thống nhất về đơn giá; tính toán đơn giá theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

Tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và chỉnh sửa

d) Đơn giá vật nuôi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giữ nguyên mức giá theo quy định tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 là chưa phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

Tiếp thu, giải trình: Trên cơ sở, quy định cách tính đơn giá vật nuôi (trên địa bàn tỉnh quy định đơn giá bồi thường vật nuôi là thủy sản) tại khoản 4, điều 103, Luật Đất đai năm 2024 vẫn giữ nguyên quy định theo khoản 2, điều 90 luật đất đai năm 2013, mức bồi thường bằng thiệt hại thực tế; Quyết định 02/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh mới được ban hành ngày 05/01/2024, khi xây dựng đơn giá Quyết định số 02/QĐ-UBND Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện khảo sát tại một số huyện, bám sát giá cả thị trường, định mức kinh tế kỹ thuật, tham khảo các tỉnh lân cận,.....do đó đơn giá tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND cơ bản đang phù hợp với thời điểm hiện nay; báo cáo của UBND các huyện, thành phố, chưa có vướng mắc trong quy định đơn giá thủy sản, vẫn tạo được sự đồng thuận của người dân.

đ) Mức hỗ trợ di dời vật nuôi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn không có số liệu tính toán, Sở Tài chính không có ý kiến thẩm định.

Tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và PTNT đã đính kèm Công văn số 2295/SNN-KHTC ngày 17/9/2024 gửi Sở Tài chính, Tư pháp thẩm định Báo cáo đề xuất phương án xây dựng đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, tại mục 7, phần IV, trong đó đã có giải trình cụ thể phương pháp tính mức hỗ trợ di dời vật nuôi; tại phụ lục IV kèm báo cáo (*Phụ lục VI: Cách tính mức hỗ trợ di dời vật nuôi*).

Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục báo cáo làm rõ, cụ thể như sau:

Mức hỗ trợ di dời tại dự thảo quy định được xây dựng trên cơ sở thực tế, để di dời vật nuôi bao gồm (1) đơn giá cước vận chuyển và (2) công di dời. Căn cứ vào các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh để tính toán, cụ thể:

(1) Đơn giá cước vận chuyển thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 20/09/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quy định đơn giá cước và phương pháp tính giá cước vận chuyển hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Trong đó, vật nuôi được xếp vào hàng hóa bậc 4.

Trên cơ sở thực tiễn khoảng cách giữa các huyện thành phố, thực hiện lấy mức khoảng cách di chuyển 10 km để tính đơn giá hỗ trợ di dời. Giá cước vận chuyển 1 tấn vật nuôi như sau = $7.979\text{đ}/\text{tấn}/\text{km} \times 10\text{km} \times 01\text{ tấn} \times 1,25\text{ lần hàng bậc 4} \times 1,080\text{ lần mức giá nhiên liệu tăng so với năm 2017} = 108.000\text{đ} + 238.000\text{đ}$ chi phí phương tiện chờ đợi (*quy định cho các loại xe: 34.000đ/tấn-xe-giờ x 07 giờ*) = **346.000đ**.

(2) Công di dời vật nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Chi phí theo đơn giá công lao động tại thành phố Lạng Sơn là 18.600 đ/giờ, tại các huyện trong tỉnh Lạng Sơn là 16.600đ/giờ, lấy trung bình 8 giờ (01 ngày công) = 140.800 đ/công lao động (tính tròn 140.000đ).

+ Như vậy mức hỗ trợ di dời 1 tấn vật nuôi = 346.0000 + 140.000 (1tấn vật nuôi tương đương 1 công lao động) = **486.000 đồng (làm tròn là 500.000 đồng)**

+ **Đối với vận chuyển ong mật** (mỗi thùng ong đang nuôi khoảng 20 kg). Vận chuyển 50 thùng ong mật tương đương 01 tấn hàng = 500.000đ.

Mức hỗ trợ di dời ong mật: 10.000đ/Thùng ong mật đang nuôi.

e) Tại khoản 4 Điều 8 dự thảo quy định: “Đơn giá cây vườn cây giống cung cấp hom tại Điều 5 Quy định này...”

- Đề nghị sửa lại để phù hợp với tiêu đề danh mục đơn giá như sau: “Đơn giá vườn giống cung cấp hom tại số thứ tự V.3 Điều 5 Quy định này...”

Tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, do quy định đền bù đơn giá theo “cây” trong “**vườn cây giống cung cấp hom**”.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đối với Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Chi cục: Kiểm lâm; TT và BVTV, CN&TY;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Các phòng: KHTC; TSKTTH;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Chiến

PHỤ LỤC I:

Xây dựng bổ sung đơn giá mới và giải trình đơn giá các cây trồng tính theo cây hàng năm

1. Phương pháp tính đơn giá:

Theo Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai 2024: Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đối với cây trồng đó. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của loại cây trồng đó tại địa phương và đơn giá bồi thường;

2. Đơn giá cụ thể:

STT	Loại cây	NSTB cao nhất trong 3 năm liền kề (tấn/ha)	Giá (đồng/kg)	Giá trị (đồng/ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Ghi chú
1	Gai Xanh	2,20	40.000	88.000.000	8.800	Lào Cai: 7.200 đ/m ²
2	Bò khai	5,00	50.000	250.000.000	25.000	Tính toán theo giá trị thực tế trên địa bàn tỉnh.
3	Cà gai leo	20,00	9.000	180.000.000	18.000	Bắc Giang: 14.000-15.5000/m ²
4	Xạ đen	20,00	15.000	300.000.000	30.000	Bắc Giang: 8.200-36.100-54.000 (trung bình 27.400 đồng/m ²) Lào Cai: 25.000-37.000/m ² Bắc Kạn: 30.000-50.000/m ²
5	Măng tây	7,00	70.000	490.000.000	49.000	Bắc Kạn: - Cây mới trồng: 33.000 đồng/m ² - Cây trồng từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 50.000 đồng/m ² - Cây trồng từ 1-6 năm: 55.000 đồng/m ² - Cây trồng trên 6 năm: 30.000 đồng/m ²
6	Gừng, Nghệ, Riềng, Sả	7,20	20.000	144,040,000	14.000	Bắc Giang: 16.666/m ² ; Cao Bằng: 11.500 đồng/m ² ; Ninh Bình: 11.500-13.500 đồng/m ² ; Thái Bình: 15.000 đồng/m ²

Phụ lục II:**Điều chỉnh xây dựng và giải trình đơn giá cây trồng lâu năm cho thu hoạch nhiều lần****Phương pháp tính đơn giá:**

Đối với cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần trong thời kỳ kiến thiết, mức bồi thường bằng chi phí đầu tư về giống, vật tư (phân bón, thuốc BVTV, ...) đã đầu tư, chăm sóc.

Đối với cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đang trong thời kỳ thu hoạch, mức bồi thường được tính theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây (toàn bộ chi phí về giống, vật tư (phân bón, thuốc BVTV, ...) đã đầu tư, chăm sóc + giá trị sản lượng của cây trồng đến thời điểm thu hồi đất) cộng với chi phí tái đầu tư trồng lại loại cây trồng đó tới thời điểm bắt đầu cho thu hoạch. Trong đó, chi phí tái đầu tư trồng lại từng loại cây trồng tới thời điểm bắt đầu cho thu hoạch là mức đơn giá trước liền kề mức đường kính cây bắt đầu cho thu hoạch.

1. Đơn giá cụ thể:

<i>III</i>	<i>Cây ăn quả</i>		Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND	Chi phí tái đầu tư trồng lại loại cây trồng đó tới thời điểm bắt đầu cho thu hoạch	Dự thảo Quy định
<i>1</i>	<i>Cây Nhãn, Vải</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	64.000		64.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	156.000		156.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	635.000	156.000	791.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	1.100.000	156.000	1.256.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 20 cm	Cây	1.394.000	156.000	1.550.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 20 đến 30 cm	Cây	1.756.000	156.000	1.912.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 30 cm	Cây	2.199.000	156.000	2.355.000
<i>2</i>	<i>Cây Hồng, Hồng xiêm, Xoài, Bơ</i>				
<i>2.1</i>	<i>Cây Hồng</i>				

	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	71.000		71.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	161.000		161.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	681.000	161.000	842.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	1.248.000	161.000	1.409.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 20 cm	Cây	1.745.000	161.000	1.906.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 20 cm	Cây	2.198.000	161.000	2.359.000
2.2	<i>Cây Hồng Xiêm, Xoài, Bơ</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	59.000		59.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	134.000		134.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	567.000	134.000	701.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	1.040.000	134.000	1.174.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 20 cm	Cây	1.454.000	134.000	1.588.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 20 cm	Cây	1.832.000	134.000	1.966.000
3	<i>Cây Cam, Quýt, Na, Chanh, Quất, Chanh rừng</i>				
3.1	<i>Cây Cam, Quýt, Na</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	61.000		61.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm	Cây	171.000		171.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 7cm	Cây	480.000	171.000	651.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 7 đến 10 cm	Cây	940.000	171.000	1.111.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 cm	Cây	1.383.000	171.000	1.554.000
3.2	<i>Cây Chanh ta, Quất, Chanh rừng</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	51.000		51.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm	Cây	142.000		142.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 7cm	Cây	400.000	142.000	542.000

	- Cây trồng đường kính gốc > 7 đến 10 cm	Cây	783.000	142.000	925.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 cm	Cây	1.352.000	142.000	1.494.000
4	<i>Cây Lê, Mắc mật, Quất hồng bì</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	53.000		53.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	129.000		129.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	203.000	129.000	332.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	577.000	129.000	706.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 20 cm	Cây	867.000	129.000	996.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 20cm	Cây	1.152.000	129.000	1.281.000
5	<i>Cây Mít.</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	53.000		53.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	112.000		112.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	350.000	112.000	462.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	515.000	112.000	627.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 20 cm	Cây	788.000	112.000	900.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 20 đến 25 cm	Cây	1.045.000	112.000	1.157.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 25 cm	Cây	1.149.000	112.000	1.261.000
6	<i>Cây Quáo, Muồng, Khế, Dọc, Trúng gà, Cóc.</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	30.000		30.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	113.000		113.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	447.000	113.000	560.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	636.000	113.000	749.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 đến 25 cm	Cây	922.000	113.000	1.035.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 25 cm	Cây	1.149.000	113.000	1.262.000
7	<i>Cây Táo, Mận, Mơ, Đào ăn quả, Đào cảnh,</i>				

	Bưởi.				
7.1	Cây Táo, Mận, Bưởi				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	66.000		66.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm	Cây	182.000		182.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	499.000	182.000	681.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	922.000	182.000	1.104.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 cm	Cây	1.006.000	182.000	1.188.000
7.2	Cây Mơ, Đào ăn quả, Đào cảnh				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	55.000		55.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm	Cây	152.000		152.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	416.000	152.000	568.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	768.000	152.000	920.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 cm	Cây	838.000	152.000	990.000
8	Cây Cau lấy quả, Dừa lấy quả				
	- Mới trồng, chiều cao cây < 50cm	Cây	33.000		33.000
	- Cây trồng chiều cao > 50 cm đến 100cm, chưa cho hái quả	Cây	86.000		86.000
	- Cây trồng chiều cao > 100cm, chưa cho hái quả	Cây	120.000		120.000
	- Cây đang có quả	Cây	232.000	120.000	352.000
9	Cây ổi, Nhót, Gioi, Bồ quân, Dâu da, Thù lụ, Tai chua, Dâu ăn quả, Thị, Phật thủ, Me				
9.1	Cây ổi				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	40.000		40.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	107.000		107.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	146.000	107.000	253.000

	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	215.000	107.000	322.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 cm	Cây	293.000	107.000	400.000
9.2	<i>Cây Nhót, Gioi, Bồ quân, Dâu da, Thieu lụ, Tai chua, Dâu ăn quả, Thị, Phật thủ, Me</i>				
	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	33.000		33.000
	- Cây trồng đường kính gốc từ 2 đến 5cm.	Cây	89.000		89.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 5 đến 10 cm	Cây	122.000	89.000	211.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 10 đến 15 cm	Cây	179.000	89.000	268.000
	- Cây trồng đường kính gốc > 15 cm	Cây	244.000	89.000	333.000
10	<i>Cây Nho, Thanh Long (Nho đơn vị tính là cây; Thanh long đơn vị tính là khóm)</i>				
	- Mới trồng, chiều dài thân chính ≤ 200cm	Cây; khóm	51.000		51.000
	- Thân chính dài trên 200 cm, chưa có quả	Cây; khóm	175.000		175.000
	- Cây đang cho quả	Cây; khóm	349.000	175.000	524.000
11	<i>Cây Đu đủ</i>				
	- Mới trồng, chưa có quả	Cây	18.000		18.000
	- Đang có quả	Cây	234.000	18.000	252.000
	- Cây trồng đã thu hái quả	Cây	150.000		150.000
12	<i>Chuối tiêu, Chuối tây</i>				
	- Mới trồng đến dưới 1 năm	Cây	16.000		16.000
	- Trồng từ trên 1 năm, chưa ra hoa	Cây	27.000		27.000
	- Đang ra hoa, có quả	Cây	103.000	27.000	130.000
	- Đã chặt buồng có cây con mọc xung quanh (kiểm đếm bồi thường theo số lượng cây con thực tế mọc xung quanh)	Cây	12.000		12.000
13	<i>Các loại chuối khác (chuối hột, chuối lá...)</i>				

	- Mới trồng đến dưới 1 năm	Cây	11.000		11.000
	- Trồng từ trên 1 năm, chưa ra hoa	Cây	18.000		18.000
	- Đang ra hoa, có quả	Cây	59.000	18.000	77.000
	- Đã chặt buồng có cây con mọc xung quanh (kiểm đếm bồi thường theo số lượng cây con thực tế mọc xung quanh)	Cây	7.000		7.000
3	<i>Cây Cà phê</i>				
	- Mới trồng, đường kính gốc <2cm	Cây	4.000		4.000
	- Đường kính gốc từ 2cm đến 5 cm	Cây	16.000		16.000
	- Đường kính gốc > 5 cm đến 10 cm	Cây	105.000	16.000	121.000
	- Đường kính gốc > 10 cm	Cây	157.500	16.000	173.500
4	<i>Cây Chè</i>				
4.1	<i>Cây Chè trồng phân tán</i>				
	- Mới trồng đến dưới 1 năm	Cây	2.650		2.650
	- Trồng từ 1 năm đến dưới 3 năm chưa cho thu hoạch (thời kỳ chăm sóc)	Cây	10.500		10.500
	- Trồng từ 3 năm trở lên và đã cho thu hoạch từ 1-5 năm	Cây	83.000	10.500	93.500
	- Cho thu hoạch trên 5 năm	Cây	105.000	10.500	115.500
4.2	<i>Cây Chè trồng chuyên canh thành luống dài</i>				
	- Mới trồng đến dưới 1 năm	m dài/luống	10.500		10.500
	- Trồng từ 1 năm đến dưới 3 năm chưa cho thu hoạch (thời kỳ chăm sóc)	m dài/luống	21.000		21.000
	- Trồng từ 3 năm trở lên và đã cho thu hoạch từ 1-5 năm	m dài/luống	31.500	21.000	52.500
	- Cho thu hoạch trên 5 năm	m dài/luống	37.000	21.000	58.000
4.3	<i>Cây Chè hoa vàng</i>				

	- Cây mới trồng, đường kính gốc < 2cm	Cây	50.000		50.000
	- Đường kính gốc từ 2cm đến 5cm	Cây	71.000		71.000
	- Đường kính gốc từ >5cm đến 10cm	Cây	425.000	71.000	496.000
	- Đường kính gốc >10 cm đến 15cm	Cây	619.000	71.000	690.000
	- Đường kính gốc > 15 cm đến 20cm	Cây	813.000	71.000	884.000
	- Đường kính gốc trên 20cm	Cây	1.005.000	71.000	1.076.000
V	Cây lâm nghiệp				
1	Cây Hồi				
	- Mới trồng, đường kính gốc <2cm	Cây	115.000		115.000
	- Đường kính gốc từ 2cm đến 5cm	Cây	288.000		288.000
	- Đường kính gốc >5cm đến 10cm	Cây	575.000	288.000	863.000
	- Đường kính gốc >10cm đến 15cm	Cây	978.000	288.000	1.266.000
	- Đường kính gốc >15cm đến 20cm	Cây	1.380.000	288.000	1.668.000
	- Đường kính gốc >20cm đến 25cm	Cây	1.725.000	288.000	2.013.000
	- Đường kính gốc >25cm đến 30cm	Cây	1.898.000	288.000	2.186.000
	- Đường kính gốc > 30cm	Cây	2.070.000	288.000	2.358.000
2	Sấu, Trầu, Sờ				
	- Mới trồng, đường kính gốc <5 cm	Cây	38.000		38.000
	- Đường kính gốc từ 5 cm đến 10cm	Cây	110.000		110.000
	- Đường kính gốc >10 cm đến 20cm	Cây	275.000	148000	423.000
	- Đường kính gốc > 20 cm đến 30cm	Cây	385.000	148000	533.000
	- Đường kính gốc > 30cm	Cây	495.000	148000	643.000
3	Để lấy quả, Mắc ca				
	- Mới trồng, đường kính gốc <5 cm	Cây	80.000		80.000
	- Đường kính gốc từ 5 cm đến 10cm	Cây	634.000		634.000

	- Đường kính gốc >10 cm đến 20cm	Cây	1.096.000	634.000	1.730.000
	- Đường kính gốc > 20 cm đến 30cm	Cây	1.550.000	634.000	2.184.000
	- Đường kính gốc > 30cm	Cây	2.003.000	634.000	2.637.000
4	<i>Cây Trám</i>				
	- Mới trồng, đường kính gốc <2 cm	Cây	55.000		55.000
	- Đường kính gốc từ 2cm đến 5cm	Cây	130.000		130.000
	- Đường kính gốc từ >5cm đến 10cm	Cây	230.000		230.000
	- Đường kính gốc >10 cm đến 15cm	Cây	430.000	230.000	660.000
	- Đường kính gốc > 15 cm đến 20cm	Cây	840.000	230.000	1.070.000
	- Đường kính gốc > 20cm đến 25cm	Cây	1.000.000	230.000	1.230.000
	- Đường kính gốc > 25cm đến 30cm	Cây	1.330.000	230.000	1.560.000
	- Đường kính gốc > 30cm	Cây	1.670.000	230.000	1.900.000